

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Đề án Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp
hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 38/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề cương và Dự toán Đề án “Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

Căn cứ Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh phần dự toán ghi tại Điều 1 Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt đề cương và dự toán Đề án “Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

Căn cứ Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh thời gian thực hiện ghi tại Điều 1 Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề cương và Dự toán Đề án Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3985/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Đề án Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Điều 1 Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề cương và Dự toán Đề án Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;



Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi khoản 6 và khoản 7 Điều 1 Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề cương và Dự toán Đề án “Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 581/TTr-SoNNMT ngày 19 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với nội dung như sau:

1. Tên Đề án

Đề án “Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

2. Phạm vi thực hiện đề án

a) Phạm vi về không gian: Toàn bộ diện tích đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm của tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập). Sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 được phân thành 55 xã, phường (phía Nam tỉnh Đồng Nai).

b) Phạm vi thời gian: Phương án định hướng 2030, tầm nhìn tổng quát đến năm 2050.

3. Quan điểm phát triển

a) Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao: Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa là động lực thúc đẩy nâng cao thu nhập và chất lượng sống nông thôn. Gắn phát triển sản xuất với quy hoạch hạ tầng giao thông, thủy lợi, logistics và dịch vụ nông nghiệp.

b) Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung theo hướng hiện đại, bền vững và hiệu quả: Lấy hiệu quả kinh tế làm trung tâm, khoa học công nghệ làm động lực, người nông dân làm chủ thể. Gắn sản xuất với bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên đất và nước hiệu quả, chuyển đổi dần sang các mô hình nông nghiệp thân thiện với môi trường, nông nghiệp hữu cơ, phát triển nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị, phát thải thấp.

c) Tập trung hóa và chuyên môn hóa theo lợi thế vùng: Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo nhóm cây trồng có lợi thế. Tăng cường chuyên môn hóa theo xã; hỗ trợ liên kết vùng giữa các địa phương.

d) Phát triển chuỗi giá trị nông sản và liên kết 4 nhà: Gắn sản xuất với chế biến - tiêu thụ - xuất khẩu, hình thành chuỗi giá trị nông sản có thương hiệu. Thúc đẩy liên kết giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp - nhà khoa học, lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

đ) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ cao và chuyển đổi số: Ưu tiên phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa

vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế phù hợp với năng lực của địa phương.

e) Thu hút đầu tư và cải cách thể chế trong nông nghiệp: Hoàn thiện chính sách ưu đãi để thu hút doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nhất là chế biến sâu và công nghệ cao. Đổi mới tổ chức sản xuất, hỗ trợ hình thành các hợp tác xã kiểu mới, xây dựng vùng nguyên liệu theo tiêu chuẩn.

4. Mục tiêu phát triển

4.1. Mục tiêu chung

a) Phát triển ổn định, bền vững vùng sản xuất hàng hóa, tập trung các cây trồng chủ lực của tỉnh, phát huy được lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn lực nông hộ, kết cấu hạ tầng, ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật, thay đổi nhận thức và kỹ thuật sản xuất cho người nông dân. Tăng cường thương mại hóa và tính bền vững của chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nông dân.

b) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu lại vùng và diện tích sản xuất các loại cây trồng, đảm bảo phát huy lợi thế cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu thị trường; chuyển đổi linh hoạt giữa cây lương thực và cây thực phẩm, giữa cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả; đa dạng sản phẩm thông qua phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái và du lịch, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải.

4.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đạt 45 - 50% diện tích vùng trồng tập trung trên địa bàn tỉnh. Trong đó, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm khoảng 30 - 35% diện tích vùng sản xuất tập trung.

b) Giá trị sản phẩm được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương là 15%.

c) Giá trị sản lượng sản phẩm trồng trọt được tiêu thụ thông qua hình thức hợp tác, liên kết đạt tối thiểu 35%.

d) Có 100% diện tích các loại cây ăn quả chủ lực và 60% diện tích cây rau màu được ứng dụng một phần hoặc hoàn toàn công nghệ cao, áp dụng cơ giới hóa trong quá trình sản xuất.

đ) Giá trị sản xuất/ha đất trồng trọt đến năm 2030 đạt 180 - 200 triệu đồng/ha.

4.3. Tầm nhìn tổng quát đến năm 2050

Xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, sinh thái, hiện đại, bền vững với các đặc trưng:

a) Nông nghiệp công nghệ cao với các mô hình nông nghiệp xanh, sạch, an toàn, bền vững;

b) Nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế;

c) Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đủ sức chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai;

d) Ứng dụng và làm chủ công nghệ mới; nông nghiệp thông minh, tự động hóa được ứng dụng rộng rãi.

5. Nguyên tắc xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung

a) Phù hợp với quy hoạch tổng thể: Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung phải nằm trong khu vực được quy hoạch phát triển nông nghiệp lâu dài trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch đô thị - nông thôn cấp xã, quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

b) Phù hợp về thích nghi cây trồng: Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung phải phù hợp với tính chất lý, hóa học của đất, khí hậu, nguồn nước, đặc tính sinh học của cây trồng, lợi thế vùng.

c) Lựa chọn cây trồng có lợi thế cạnh tranh: Ưu tiên phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với cây trồng thuộc danh mục sản phẩm chủ lực của tỉnh. Ưu tiên những sản phẩm có thị trường ổn định, giá trị gia tăng cao, dễ cơ giới hóa và ứng dụng khoa học kỹ thuật.

d) Tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất: Xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, đồng nhất về giống, quy trình kỹ thuật, thời vụ. Tăng cường chuyên môn hóa theo từng vùng, từng địa phương nhằm đạt hiệu quả kinh tế theo quy mô.

đ) Gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ: Vùng được xác định xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được ưu tiên phát triển chuỗi giá trị nông sản từ sản xuất, sơ chế, chế biến đến phân phối. Hợp tác với doanh nghiệp thông qua các hình thức liên kết như hợp đồng, hợp tác xã, liên minh sản xuất.

e) Phát huy vai trò của nông dân và tổ chức sản xuất: Người dân đóng vai trò trung tâm, được tham gia vào quá trình xây dựng vùng. Tổ chức sản xuất theo mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nông nghiệp nhằm tăng tính liên kết.

g) Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật: Vùng được xác định xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung sẽ được ưu tiên đầu tư, nâng cấp, nâng cấp đảm bảo cơ bản điều kiện sản xuất, chế biến và thương mại sản phẩm thuận lợi gồm: Hạ tầng giao thông (đường giao thông trục chính; đường giao thông nội đồng trong vùng sản xuất); hạ tầng thủy lợi; hạ tầng logistic phục vụ kinh doanh, chế biến (sân bãi tập kết, nhà kho, silo, kho lạnh để lưu trữ, bảo quản, chế biến nông sản).

h) Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số: Vùng được xác định xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được ưu tiên mời gọi đầu tư, hỗ trợ thực hiện các mô hình áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, công

ngệ sinh học, nông nghiệp thông minh, số hóa quản lý vùng trồng; cơ giới hóa, tự động hóa các khâu trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng.

i) Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Sử dụng tài nguyên đất, nước hợp lý; kiểm soát chất thải nông nghiệp và hóa chất. Tăng cường canh tác hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính.

6. Bộ tiêu chí về vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
1	Quy mô phù hợp với từng loại hình sản xuất và điều kiện của địa phương	Quy mô tối thiểu vùng nguyên liệu của xã/phường với từng nhóm cây trồng chính như sau:
		- Cây lương thực (lúa, bắp, khoai mì): Diện tích canh tác tối thiểu 300 ha, lúa, bắp gieo trồng tối thiểu 2 vụ/năm.
		- Cây rau, đậu thực phẩm các loại: Diện tích canh tác tối thiểu 100 ha hoặc diện tích gieo trồng tối thiểu 300 ha/năm.
		- Hoa cây cảnh: Diện tích canh tác tối thiểu 50 ha.
		- Nấm các loại, cây dược liệu: Diện tích canh tác tối thiểu 5 ha.
		- Cây công nghiệp lâu năm (cao su, hồ tiêu, điều, cà phê,...): Diện tích canh tác tối thiểu 300 ha
2	Liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Tỷ lệ diện tích trong vùng có hợp đồng liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp/hợp tác xã trong chuỗi giá trị đạt từ 70% trở lên
		Tỷ lệ diện tích trong vùng có kế hoạch xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến hoặc xuất khẩu đạt từ 70% trở lên
3	An toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường	Tỷ lệ diện tích được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt hoặc tiêu chuẩn chất lượng có chứng nhận được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận, còn hiệu lực (GAP, tiêu chuẩn hữu cơ, 4C, RainForest, mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm,...) đạt từ 70% trở lên.

7. Định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung với cây trồng chủ lực

Định hướng phát triển các cây trồng chủ lực và phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 đối với các loại cây trồng chủ lực như sau:

- Nhóm cây hàng năm: Lúa, bắp, khoai mì, rau - đậu các loại.
- Nhóm cây công nghiệp lâu năm: Cao su, điều, hồ tiêu, cà phê, ca cao.
- Nhóm cây ăn quả: Chuối, sầu riềng, bưởi, chôm chôm, mít.

Diện tích, phân bố vùng trồng tập trung các cây trồng chủ lực được trình bày ở Phụ lục I đính kèm.

8. Giải pháp thực hiện đề án

Triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau: Ổn định về đất đai trong các vùng sản xuất tập trung; hoàn thiện hệ thống hạ tầng và dịch vụ hậu cần; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết; Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ đối với vùng sản xuất hàng hóa tập trung; quản lý và cấp mã số vùng trồng; xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; cơ chế chính sách; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

9. Nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030

Nhiệm vụ trọng tâm của đề án thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 được trình bày ở *Phụ lục II kèm theo*.

10. Danh mục dự án ưu tiên mời gọi đầu tư

a) Thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi xã hội hóa trong phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, đầu tư vào các công trình hạ tầng và phát triển các dịch vụ cho sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

b) Danh mục dự án ưu tiên mời gọi đầu tư được trình bày ở *Phụ lục III kèm theo*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Phối hợp với các ngành, địa phương, rà soát, tham mưu đề xuất ban hành các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp nhằm khuyến khích, phát triển các vùng trồng theo quy mô sản xuất hàng hóa đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu.

c) Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương trong việc rà soát, khoanh định vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; tổ chức cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói; xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về đất đai, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

d) Chủ trì, xây dựng, ban hành quy trình kỹ thuật sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các quy chuẩn kỹ thuật khác; tổ chức tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ cho nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

đ) Theo dõi, giám sát, tổng hợp tình hình triển khai, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tham mưu UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện nội dung rà soát cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu, đề xuất phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên các địa bàn các xã, phường chưa được nghiên cứu trong Đề án (từ tỉnh Bình Phước cũ).

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở nhu cầu kinh phí do Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Đề án theo quy định.

3. Sở Công Thương:

a) Chủ trì công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản Đồng Nai trong và ngoài nước.

b) Hỗ trợ phát triển kênh phân phối hiện đại, thương mại điện tử; hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia hội chợ, triển lãm, sàn giao dịch nông sản.

c) Phối hợp kiểm soát chất lượng hàng hóa lưu thông, đảm bảo đúng quy chuẩn an toàn thực phẩm và nhãn mác hàng hóa.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh; triển khai các chương trình đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng nền tảng nông nghiệp số, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Kế hoạch phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung tại địa phương.

b) Bố trí kinh phí địa phương hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng, trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm vùng nguyên liệu cho hợp tác xã khi có nhu cầu.

c) Đẩy mạnh công tác tập huấn, tuyên truyền, thông tin, phổ biến sâu rộng nội dung của Đề án đến các tổ chức, cá nhân, cộng đồng người dân nông thôn, doanh nghiệp, hợp tác xã, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, địa phương.

d) Phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, bố trí vốn được phân cấp hàng năm theo quy định để thực hiện các nội dung công việc cấp xã, phường có liên quan đến thực hiện đề án.

đ) Vận động nhân dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, phát triển sản xuất an toàn theo hướng tiêu chuẩn GAP. Hỗ trợ củng cố và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP liên kết với các doanh nghiệp trên địa bàn để tiêu thụ nông sản cho người dân.

e) Đẩy mạnh tìm kiếm các doanh nghiệp tiêu thụ liên kết sản xuất với các hợp tác xã vùng sản xuất các cây trồng chủ lực của địa phương; đẩy mạnh xúc

tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh, thị trường xuất khẩu nông sản.

g) Thực hiện tốt việc cấp, quản lý mã số vùng trồng, quản lý và khai thác chỉ dẫn địa lý trên cây trồng.

6. Liên minh Hợp tác xã tỉnh:

a) Hướng dẫn thành lập, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trong vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

b) Đào tạo cán bộ quản lý hợp tác xã về kỹ năng quản trị, điều hành, tài chính, đàm phán hợp đồng và phát triển chuỗi giá trị.

c) Đẩy mạnh phát huy vai trò cầu nối giữa hợp tác xã và doanh nghiệp, hỗ trợ đàm phán, ký kết hợp đồng bao tiêu, liên kết sản xuất - tiêu thụ.

7. Hội Nông dân tỉnh:

a) Tăng cường tuyên truyền, vận động hội viên tham gia sản xuất theo quy trình an toàn, tập trung, có liên kết.

b) Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nghề, nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng khoa học - công nghệ cho hội viên nông dân.

c) Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai chính sách hỗ trợ vùng sản xuất tập trung, bảo đảm quyền lợi của nông dân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Hoàng);
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Lưu: VT, KTN. 

(Khoa/Qdvungsxntt/22.12-1237)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng



Phụ lục I

Tổng hợp định hướng vùng trồng tập trung cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030
 (Kèm theo Quyết định số 3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



STT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)	Diện tích gieo trồng Vùng trồng tập trung (ha)	Tỷ lệ (%)	Số vùng trồng tập trung	Phân bố vùng trồng tập trung (xã, phường)
I	CÂY HÀNG NĂM	118.700	90.090	75,9	53	
1	Lúa	40.000	29.600	74,0	16	X. Xuân Phú, X. Phú Hòa, X. Tân Phú, X. Phú Lâm, X. Xuân Lộc, X. Đak Lua, X. Tà Lài, P. Bảo Vinh, X. Xuân Bắc, P. Tân Triều, X. Định Quán, X. Phước An, X. Tân An, X. Long Thành, X. Sông Ray, X. Long Phước
2	Bắp	40.000	28.560	71,4	8	X. Xuân Đông, X. Xuân Phú, X. Xuân Bắc, X. Sông Ray, X. Xuân Lộc, X. Xuân Hòa, X. Xuân Quế, X. Xuân Định
4	Khoai mì	14.700	12.800	87,1	8	X. Định Quán, X. Xuân Hòa, X. Xuân Thành, X. Xuân Lộc, X. Xuân Đường X. Xuân Bắc, X. Hưng Thịnh, X. Phước Thái,
5	Rau các loại	20.000	16.970	84,8	17	X. Xuân Bắc, X. Xuân Phú, X. Xuân Đông, X. Gia Kiệm, X. Xuân Lộc, X. Xuân Hòa, X. Thống Nhất, X. Xuân Thành, X. Phú Lâm, P. Bảo Vinh, X. Định Quán, X. Tân Phú, X. Sông Ray, X. Tân An, X. Dầu Giây, X. Phú Hòa, X. Tà Lài
6	Đậu các loại	4.000	2.160	54,0	4	X. Sông Ray, X. Xuân Đông, X. Xuân Hòa, X. Xuân Lộc

STT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)	Diện tích gieo trồng Vùng trồng tập trung (ha)	Tỷ lệ (%)	Số vùng trồng tập trung	Phân bố vùng trồng tập trung (xã, phường)
II	CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM	78.000	68.760	88,2	53	
1	Cao su	36.000	33.780	93,8	16	X. Cẩm Mỹ, X. Bình An, X. Xuân Quế X. Xuân Đường, P. Bình Lộc, X. Xuân Hòa, X. Long Thành, X. La Ngà X. Xuân Thành, X. Dầu Giây, X. Phước Thái, X. An Viễn, P. Hàng Gòn, X. Long Phước, X. Thống Nhất, X. Gia Kiệm
2	Điều	25.000	22.770	91,1	22	X. Xuân Lộc, X. Xuân Hòa, X. Định Quán, X. Xuân Thành, X. La Ngà, X. Phước Thái, X. Xuân Bắc, X. Phú Hòa, X. Thống Nhất, X. Dầu Giây, X. Cẩm Mỹ, X. Phú Vinh, X. Phú Lâm, X. Hưng Thịnh, X. Tà Lài, X. Trại An, X. Nam Cát Tiên, X. Xuân Quế, X. Long Phước, X. Xuân Đường, X. Phú Lý, X. Xuân Đông
3	Hồ tiêu	10.000	7.310	73,1	7	X. Sông Ray, X. Xuân Đông, X. Xuân Lộc, X. Cẩm Mỹ, X. Xuân Thành, X. Xuân Bắc, X. Tân Phú
4	Cà phê	6.000	4.170	69,5	7	X. Xuân Đông, X. Tân Phú, X. Cẩm Mỹ, X. Xuân Quế, X. Sông Ray, X. Phú Vinh, X. Xuân Đường
5	Ca cao	1.000	730	73,0	1	X. An Viễn, X. Hưng Thịnh, X. Dầu Giây, X. Xuân Lộc
III	CÂY ĂN QUẢ	70.000	56.350	80,5	63	
1	Chuối	18.500	16.160	87,4	11	X. Bàu Hàm, X. Gia Kiệm, X. Phú Vinh, X. Thanh Sơn, X. Trảng Bom, X. Dầu Giây, X. Thống Nhất, X. Phú Hòa, X. Tân Phú, X. Trại An, X. Định Quán

STT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)	Diện tích gieo trồng Vùng trồng tập trung (ha)	Tỷ lệ (%)	Số vùng trồng tập trung	Phân bố vùng trồng tập trung (xã, phường)
2	Sầu riêng	15.500	13.500	87,1	14	X. Tân Phú, X. Nam Cát Tiên, X. Cẩm Mỹ, X. Phú Vinh, P. Hàng Gòn, P. Xuân Lập, X. Xuân Định, X. Tà Lài, X. Phú Lâm, X. Thanh Sơn, P. Bình Lộc, X. Xuân Quế, X. Phú Hòa, P. Bảo Vinh
3	Xoài	11.000	9.500	86,4	8	X. La Ngà, X. Định Quán, X. Phú Lý, X. Thanh Sơn, X. Trị An, X. Xuân Hòa, X. Xuân Bắc, X. Xuân Thành
4	Bưởi	8.800	6.160	70,0	16	X. Tà Lài, X. Tân Phú, P. Tân Triều, X. Bàu Hàm, X. Thanh Sơn, X. Phú Vinh, P. Bảo Vinh, P. Bình Lộc, X. Phú Hòa
5	Chôm chôm	8.000	5.330	66,6	6	X. Xuân Định, X. Gia Kiêm, P. Bình Lộc, X. Dầu Giây, X. Xuân Quế, X. Cẩm Mỹ
6	Mít	8.200	5.700	69,5	8	P. Bảo Vinh, X. Tân Phú, X. Tà Lài, X. Phú Hòa, X. Phú Vinh, P. Bình Lộc, X. Cẩm Mỹ, X. Xuân Bắc
	TỔNG	266.700	215.200	80,7	169	

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu đầu ra	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng và dịch vụ hậu cần cho vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung				
1	Xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa công trình hạ tầng giao thông nội đồng, thủy lợi, điện phục vụ phát triển các vùng trồng tập trung	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; các tổ chức chính trị xã hội	Lồng ghép theo tiến độ triển khai các quy hoạch và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Hàng năm
2	Mời gọi đầu tư nhà máy chế biến, trung tâm kho vận, logistics gắn với vùng nguyên liệu tập trung	Sở Công Thương	UBND các xã, phường; các tổ chức chính trị xã hội	Lồng ghép theo các Hội nghị xúc tiến đầu tư hàng năm	Giai đoạn 2026 – 2030
II	Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết tại vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung				
1	Tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thị trường; sản xuất gắn với tiêu thụ thông qua hình thức liên kết hợp tác	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các tổ chức chính trị xã hội; các Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh	Ít nhất 01 chuỗi liên kết/năm đối với cây trồng chủ lực	giai đoạn 2026-2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu đầu ra	Thời gian thực hiện
2	Hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên Hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã phường	Tổ chức tập huấn	Hàng năm
III Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung					
1	Xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường,	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan		Giai đoạn 2026 – 2030
2	Triển khai ứng dụng công nghệ chuỗi khối trong hoạt động quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc nông sản, ưu tiên các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đạt chứng nhận OCOP.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan		Giai đoạn 2026 – 2030
3	Triển khai thực hiện các đề tài/dự án nghiên cứu, chọn tạo và nhân rộng các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	4-5 đề tài/dự án	Giai đoạn 2026 – 2030
4	Triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhằm cải tiến thông minh hóa, tự động hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	2 – 3 mô hình	Giai đoạn 2026 – 2030

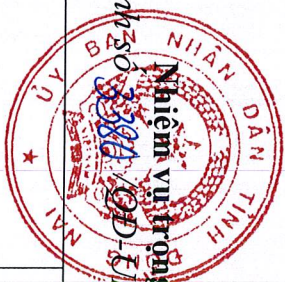
STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu đầu ra	Thời gian thực hiện
5	Xây dựng chương trình khuyến nông về canh tác tiên tiến, ứng dụng IPHM trên cây trồng, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị tại các vùng trồng tập trung, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm, sản xuất có chứng nhận (GAP, Organic,...), truy xuất nguồn gốc (mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói,...)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh và các đơn vị có liên quan	3-4 lớp tập huấn/năm	Hàng năm
6	Bình tuyến, công nhận các vườn cây đầu dòng đối với các loại cây ăn quả và cây công nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh	Công nhận 1 – 2 cây đầu dòng/năm	Hàng năm
7	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa cho vùng sản xuất tập trung cây chủ lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; Doanh nghiệp, HTX	1 – 2 mô hình/năm	Hàng năm
8	Xây dựng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng tối đa các phụ phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến các cây trồng chủ lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; Doanh nghiệp, HTX	1 – 2 mô hình/năm	Hàng năm
9	Xây dựng các mô hình hỗ trợ cải tạo đất cho vùng sản xuất tập trung cây chủ lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; Doanh nghiệp, HTX	2 – 3 mô hình	Giai đoạn 2026 – 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu đầu ra	Thời gian thực hiện
10	Xây dựng các mô hình sản xuất giảm phát thải cho vùng sản xuất tập trung cây chủ lực (tập trung vào một số cây trồng chủ lực có tiềm năng giảm phát thải cao như lúa, khoai mì, cà phê, chuối,...)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; Doanh nghiệp, HTX	1 – 2 mô hình	Giai đoạn 2026 – 2030
IV	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực				
1	Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền thông qua hội nghị, hội thảo phương tiện truyền thông các mô hình hiệu quả trong phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung với các cây trồng chủ lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; các tổ chức chính trị xã hội	Mỗi năm ít nhất 2 hội thảo	Hàng năm
	Phát triển các chương trình đào tạo chuyên biệt phù hợp với nhu cầu thực tế của vùng sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh cho nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các xã, phường	Các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân và các đơn vị có liên quan	Tổ chức tập huấn	Hàng năm
V	Xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung				
1	Xúc tiến đưa vào các sàn giao dịch các sản phẩm cây chủ lực	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các xã, phường; Doanh nghiệp, HTX	Ít nhất 2 sản phẩm lên sàn giao dịch điện tử/năm	Hàng năm
2	Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại về các sản phẩm cây trồng chủ lực	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các xã, phường; Doanh nghiệp, HTX	Ít nhất 2 hoạt động xúc tiến thương mại/năm	Hàng năm

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu đầu ra	Thời gian thực hiện
VI	Cơ chế chính sách				
1	Rà soát tham mưu đề xuất bổ sung hoàn thiện các cơ chế chính sách và ban hành các chương trình, đề án, dự án về hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn nói chung, vùng sản xuất hàng hóa tập trung nói riêng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã phường và các đơn vị có liên quan		Giai đoạn 2026-2030
2	Lập đề án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn Bắc Đồng Nai (tỉnh Bình Phước cũ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã phường và các đơn vị có liên quan		Giai đoạn 2026-2030

Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



STT	Nội dung	Khu vực vùng nguyên liệu ưu tiên mời gọi đầu tư	Sản phẩm đầu ra ưu tiên đầu tư
I	Dự án đầu tư các nhà máy chế biến gắn với vùng nguyên liệu tập trung.		
1	Đầu tư Chế biến sản phẩm lúa gạo	Xuân Phú, Phú Lâm, Tân Phú, Tà Lài, Xuân Lộc	Gạo chất lượng cao đóng gói, sản phẩm chế biến sâu từ gạo
2	Đầu tư chế biến sản phẩm từ bắp	Xuân Đông, Xuân Phú, Xuân Bắc	Thức ăn chăn nuôi, tinh bột bắp, sữa bắp,...
3	Đầu tư chế biến sản phẩm từ rau đậu thực phẩm các loại	Xuân Bắc, Xuân Phú, Xuân Đông, Gia Kiệm	Sản phẩm rau củ quả sơ chế đóng gói, đóng lạnh, đóng hộp, bột, sấy khô,...
4	Đầu tư chế biến sản phẩm từ khoai mì	Xuân Hòa, Định Quán	Bột mì, tinh bột mì, nhiên liệu sinh học,...
5	Đầu tư chế biến sản phẩm từ hồ tiêu	Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Lộc	Tiêu sấy khô, tiêu bột, tinh dầu hồ tiêu,...
6	Đầu tư chế biến sản phẩm từ cây ăn quả các loại	Bàu Hàm, Gia Kiệm, Phú Vinh, Tân Phú	Trái cây tươi sơ chế đóng gói, trái cây đông lạnh, trái cây sấy, đóng hộp,...
II	Dự án đầu tư mô hình ứng dụng công nghệ cao gắn với vùng sản xuất tập trung	Tất cả các vùng nguyên liệu tập trung cây chủ lực	
III	Dự án liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm gắn với vùng sản xuất tập trung	Tất cả các vùng nguyên liệu tập trung cây chủ lực	
IV	Dự án đầu tư hạ tầng logistics tiêu thụ nông sản		
1	Đầu tư trung tâm kho vận cho chuối	Bàu Hàm	
2	Đầu tư trung tâm kho vận cho sầu riêng	Phú Vinh, Tân Phú	